

**GIỚI THIỆU LUẬT CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

(Tài liệu họp công bố Luật Chuyển giao công nghệ ngày 12//7/2017)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Chuyển giao công nghệ được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/11/2006, trong bối cảnh Việt Nam đang chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (01/2007), thu nhập bình quân đầu người thấp (chưa đạt mức 700 USD), tăng trưởng kinh tế dựa chủ yếu vào tăng quy mô vốn đầu tư, lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên thiên nhiên không tái tạo. Trong 10 năm triển khai thực hiện, Luật đã góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới và chuyển giao công nghệ trong nước, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) trong sản xuất và đời sống, từng bước giúp cải thiện năng lực công nghệ của doanh nghiệp và nền kinh tế, nâng cao tốc độ tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực.

Tuy nhiên, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước, khu vực và thế giới đã có nhiều thay đổi, làn sóng đổi mới công nghệ tốc độ cao song hành với hội nhập và tự do hóa thương mại toàn cầu sẽ tạo sức ép cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, buộc các doanh nghiệp phải rà soát lại mô hình kinh doanh; cải thiện phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ; không ngừng đổi mới công nghệ để thích ứng với các thay đổi của thị trường.

Bên cạnh đó, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong nước cũng đặt ra yêu cầu, thách thức đối với cơ quan quản lý nhà nước trong việc một mặt đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, thu hút đầu tư nước ngoài để gia tăng nguồn lực phát triển đất nước, mặt khác kiểm soát được thực trạng công nghệ, đặc biệt là công nghệ trong các dự án đầu tư để bảo đảm gìn giữ môi trường và phát triển bền vững.

Luật Chuyển giao công nghệ sau một thập kỷ đi vào cuộc sống đã bộc lộ một số bất cập, chưa theo kịp được với xu thế đổi mới trong phát triển kinh tế, KH&CN. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ để tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, thương mại hóa và ứng dụng các thành tựu KH&CN hiện đại, lành mạnh hóa thị trường KH&CN và môi trường kinh doanh ở Việt Nam, từ đó, góp phần nâng cao năng lực công nghệ của quốc gia và doanh nghiệp, thúc đẩy chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế đi đôi với kiểm soát công nghệ chuyển giao, bảo đảm môi trường xanh và phát triển bền vững đất nước.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

Thứ nhất, thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa,



(Tài liệu công bố (Luật Chuyển giao công nghệ ngày 12/12/2017))

I. LÝ DO BAN HÀNH LUẬT

Luật Chuyển giao công nghệ được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 12/12/2017, trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn 1 - nước đang phát triển sang giai đoạn 2 - nước đang phát triển có thu nhập trung bình (từ năm 2007), theo định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam 2010-2020. Trong 10 năm vừa qua, tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước ta nói chung và công nghệ thông tin nói riêng nước ta nói chung có những bước tiến đáng kể. Tuy nhiên, công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật số nói chung vẫn chưa được chú trọng phát triển một cách đồng bộ và có hệ thống. Điều này đã ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh quốc gia và sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ những tồn tại nêu trên, cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật số nói chung. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ là cần thiết để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức trong việc chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

Đảm bảo tính nhất quán của pháp luật - và tính trong nước đồng bộ của pháp luật, cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ để phù hợp với các quy định của pháp luật khác có liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ là cần thiết để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức trong việc chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

Luật Chuyển giao công nghệ sau một thời kỳ đi vào cuộc sống đã phát huy tác dụng, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ đã bộc lộ một số hạn chế, cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của công nghệ thông tin và công nghệ kỹ thuật số nói chung. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ là cần thiết để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức trong việc chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO KẾ HOẠCH LUẬT

Pháp luật phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch, công bằng, công khai, công minh, công lý, công tâm, công đức.

hiện đại hóa; coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ trong nước; ngăn chặn nhập khẩu công nghệ lạc hậu, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, kế thừa các nội dung tiên bộ của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006, xác định, lựa chọn các vấn đề thực sự vướng mắc để kịp thời tháo gỡ, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước và từ nước ngoài vào Việt Nam để cải thiện trình độ công nghệ quốc gia và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, phục vụ tăng trưởng bền vững.

Thứ ba, đổi mới tư duy và phương thức quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ phù hợp với bối cảnh mới để bảo đảm hiệu quả kiểm soát công nghệ đi đôi với giảm thiểu thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Bố cục của Luật Chuyển giao công nghệ

Luật Chuyển giao công nghệ gồm 60 điều, được bố cục thành 6 Chương:

Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1÷Điều 12)

Chương II. Thẩm định công nghệ dự án đầu tư (Điều 13÷Điều 21)

Chương III. Hợp đồng chuyển giao công nghệ (Điều 22÷Điều 34)

Chương IV. Biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ (Điều 35÷Điều 52)

Chương V. Quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ (Điều 53÷Điều 58)

Chương VI. Điều khoản thi hành (Điều 59÷Điều 60)

2. Những nội dung cơ bản của Luật Chuyển giao công nghệ

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp của Luật Chuyển giao công nghệ 2006, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều quy định để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Luật Chuyển giao công nghệ có những sửa đổi, bổ sung lớn như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung chính sách của nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ (Điều 3)

Để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, Luật quy định chính sách cụ thể đối với từng luồng chuyển giao, đồng thời bổ sung một số chính sách ngăn chặn, loại bỏ công nghệ lạc hậu, công nghệ ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, sức khỏe con người.

b) Sửa đổi tiêu chí xây dựng Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 đã bổ sung, sửa đổi tiêu chí xác định công nghệ khuyến khích chuyển giao phù hợp với thực tiễn và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay (Điều 9). Đồng thời, bổ sung một số tiêu chí cụ thể hơn so với Luật Chuyển giao công nghệ 2006 như quy định

hạn chế đối với công nghệ, máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ không còn sử dụng ở các quốc gia công nghiệp phát triển (điểm a khoản 1 Điều 10) hoặc cấm việc chuyển giao đối với công nghệ, máy móc, thiết bị không còn sử dụng phổ biến và chuyển giao ở các quốc gia đang phát triển không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (điểm c Khoản 1 Điều 11).

c) Bổ sung quy định về thẩm định công nghệ dự án đầu tư

Một trong những điểm mới của Luật Chuyển giao công nghệ 2017 là bổ sung 1 Chương (Chương II với 9 Điều) quy định về công tác thẩm định công nghệ dự án đầu tư nhằm ngăn chặn, loại bỏ công nghệ, thiết bị lạc hậu chuyển giao vào Việt Nam, trong đó quy định cụ thể loại dự án phải thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ; quy trình, thủ tục thẩm định, lấy ý kiến đối với từng loại dự án. Đồng thời, trong Chương này cũng thiết kế 1 điều quy định về việc kiểm tra, giám sát công nghệ trong các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư.

d) Sửa đổi quy định về quản lý chuyển giao công nghệ

Để tăng cường quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, ngăn ngừa hiện tượng chuyển giá trong hoạt động chuyển giao công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định quản lý chặt chẽ hơn đối với chuyển giao công nghệ không thuộc Danh mục hạn chế, cấm chuyển giao công nghệ. Theo đó Điều 31 của Luật có quy định bắt buộc đăng ký đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước.

e) Bổ sung cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 (Điều 35) đã bổ sung một số biện pháp hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ. Cụ thể như sau: đề xuất cơ chế hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn và hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp có hoạt động đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho giải mã công nghệ, thành lập tổ chức R&D; cơ chế liên kết giữa tổ chức KH&CN với doanh nghiệp; mở rộng nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; khuyến khích các hình thức hợp tác để triển khai các dự án đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển cơ sở hạ tầng và hoạt động nghiên cứu chung với doanh nghiệp.

g) Bổ sung, sửa đổi quy định về thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Để giải quyết những vướng mắc từ thực tiễn đối với việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (Điều 36) đã bổ sung một số giải pháp như: giao quyền đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận thu được từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; công bố kết quả hoạt động KH&CN phục vụ nhu cầu đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ hoạt động liên kết giữa tổ chức KH&CN sở hữu kết quả hoạt động KH&CN với tổ chức ứng dụng, CGCN địa phương trong việc hoàn thiện kết quả nghiên

cứu khoa học và phát triển công nghệ để phù hợp đặc thù của địa phương được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN.

h) Bổ sung giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Để phát triển thị trường KH&CN, cần phải có giải pháp đồng bộ đối với từng bộ phận cấu thành nên thị trường, do vậy, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 đã bổ sung một loạt biện pháp nhằm tạo cơ chế phát triển nguồn cung, thúc đẩy nguồn cầu và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN (Điều 42 và Điều 43).

Đối với tổ chức đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ, đây là 3 loại hình thuộc danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư, do vậy, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 đã quy định tại Điều 48 về việc đáp ứng điều kiện hoạt động của các tổ chức này và giao Chính phủ quy định chi tiết.

i) Bổ sung quy định về chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp

Để thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, tạo điều kiện cho bà con nông dân có thể tiếp cận, thụ hưởng công nghệ, kỹ thuật canh tác tiên tiến, hiện đại, Luật chuyển giao công nghệ 2017 đã dành 1 điều (Điều 52) quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, trong đó quy định hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ đặc thù trong nông nghiệp.

k) Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, Ủy ban Nhân dân tỉnh đối với nhiệm vụ quản lý chuyển giao công nghệ (Điều 54, 55 và 56).

Đối với công tác thống kê chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ 2017 (Điều 57) đã sửa đổi quy định về công tác thống kê để bảo đảm phù hợp với Luật Thống kê 2015.

IV. TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ 2017

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 có hiệu lực từ ngày 01/7/2018 và thay thế Luật Chuyển giao công nghệ 2006. Để Luật được triển khai và đi vào cuộc sống, Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ bảo đảm các quy định này được thực hiện ngay khi Luật có hiệu lực, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Chuyển giao công nghệ để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật thực hiện theo quy định. Định kỳ, cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Chuyển giao công nghệ để kịp thời có những biện pháp cần thiết bảo đảm cho Luật Chuyển giao công nghệ thực sự đi vào cuộc sống.

Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành 02 văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan. Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và xử lý các ý kiến đóng góp này để hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và quy định về việc thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đã thực hiện các nhiệm vụ được phân công để thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Chuyển giao công nghệ. Các văn bản này đã được ban hành và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.